| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN HỒNG**<br>TỈNH ĐỒNG THÁP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 14/2024/DS-ST<br>Ngày: 22-7-2024<br>V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Dưỡng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Thành Nam;

Ông Hồ Chí Trường.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 6, 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thanh H, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ngô Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 15-3-2023).

- *Bị đơn:*

1/ Phan Văn S, sinh năm 1975;

2/ Lâm Thị Bích L, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1/ Trần Văn T1, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Nguyễn Thị N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*(Ông T có mặt tại phiên tòa; ông S, bà L, ông T1, bà N1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Trần Thanh H và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là ông Ngô Văn T:** Từ tháng 12-2019 đến tháng 10-2020, vợ chồng ông Phan Văn S, bà Lâm Thị Bích L có vay tiền của ông Trần Thanh H nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 03-12-2019 âm lịch (nhằm ngày 28-12-2019) vay số tiền là 50.000.000 đồng (có làm Biên nhận ngày 03-12-2019 âm lịch), hẹn trong biên nhận là 03 tháng sẽ trả nhưng nói miệng là 04 đến 06 tháng sẽ trả, thỏa thuận lãi suất là 04%/tháng, mục đích vay là để mua thức ăn cho cá và mua phân thuốc làm lúa. Sau đó ông S, bà L đã trả tiền lãi cho ông H đến ngày 13-7-2020 được số tiền là 14.000.000 đồng.

- Ngày 28-8-2020 âm lịch (nhằm ngày 14-10-2020) vay số tiền là 35.000.000 đồng (có làm Biên nhận ngày 28-8-2020 âm lịch), hẹn 15 ngày sẽ trả tiền gốc và lãi, thỏa thuận lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, mục đích vay là để mua thức ăn để vỗ béo cho cá rồi bán cá sẽ trả tiền gốc và lãi cả lần vay này và lần vay trước cho ông H.

- Ngày 13-10-2020 âm lịch (nhằm ngày 27-11-2020) vay số tiền là 20.000.000 đồng (có làm Biên nhận ngày 13-10-2020 âm lịch), hẹn 03 – 04 ngày sẽ trả nên không có thỏa thuận lãi, mục đích vay là để mua lúa giống xạ lại vì bị ngập úng hư.

Qua nhiều lần ông H đòi nợ nhưng vợ chồng ông S, bà L không trả nên ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S, bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền vay gốc là 105.000.000 đồng và tiền lãi là 50.434.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông S, bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền vay gốc và lãi cụ thể như sau:

- Tiền vay gốc là 50.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 03-12-2019 âm lịch (nhằm ngày 28-12-2019) và tiền lãi tính từ ngày 28-12-2019 đến ngày 28-6-2024 là 54 tháng với lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 44.820.000 đồng, trừ đi số tiền lãi đã trả đến ngày 13-7-2020 là 14.000.000 đồng, còn lại 30.820.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

- Tiền vay gốc là 35.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 28-8-2020 âm lịch (nhằm ngày 14-10-2020) và tiền lãi tính từ ngày 14-10-2020 đến ngày 14-7-

2024 là 45 tháng với lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 26.145.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

- Tiền vay gốc là 20.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 13-10-2020 âm lịch (nhằm ngày 27-11-2020) và tiền lãi tính từ ngày 02-12-2020 đến ngày 02-7-2024 là 43 tháng với lãi suất 0.83%/tháng, thành tiền là 7.138.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

Nên nay ông H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông S, bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền vay còn thiếu gốc là 105.000.000 đồng và tiền lãi là 64.103.000 đồng.

*** Bị đơn Phan Văn S:** Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

*** Lời trình bày của bị đơn Lâm Thị Bích L:** Bà L không biết ông H, không ký vào biên nhận nào với ông H, bà L không có ý kiến gì, Tòa án giải quyết xét xử theo quy định.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của ông Trần Thanh H yêu cầu vợ chồng ông Phan Văn S và bà Lâm Thị Bích L trả số tiền vay còn thiếu gốc 105.000.000 đồng và số tiền lãi là 64.103.000 đồng, tổng cộng là 169.103.000 đồng.

Về phía bị đơn: Bà L được Tòa án lấy lời khai thì không hợp tác, không ký biên bản, bà L cho rằng không biết ông H nên không nhận gì của Tòa án giao và không có ý kiến gì, Tòa án giải quyết, xét xử theo quy định, bà L không biết ông H nên không có ký vào biên nhận nào cả. Bà L không có văn bản thể hiện ý kiến gì về yêu cầu của H do đó bà L phải chịu hậu quả cho việc không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông S là người đứng ra vay nợ, ký biên nhận nợ, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng công khai tại nơi cư trú, Ủy ban nhân dân xã B, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng nhưng ông S không liên hệ Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến gì về yêu cầu của H do đó ông S phải chịu hậu quả cho việc không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy: Trên cơ sở căn cứ của 03 tờ biên nhận vay tiền ngày 03-12-2019 âm lịch, ngày 28-8-2020 âm lịch và ngày 13-10-2020 âm lịch do ông H viết, vợ chồng ông S, bà L cùng ký tên và được người làm chứng Nguyễn Thị N chứng kiến việc giao nhận tiền là có cơ sở.

Ông Phan Văn S và bà Lâm Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng đối với đương sự là đúng quy định pháp luật.

Từ những chứng cứ và phân tích nêu trên, nhận thấy việc ông Trần Thanh H yêu cầu vợ chồng ông Phan Văn S và bà Lâm Thị Bích L trả số tiền vay còn thiếu gốc là 105.000.000 đồng và số tiền lãi là 64.103.000 đồng, tổng cộng là 169.103.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với chứng cứ chứng minh và người làm chứng.

Căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thanh H, buộc ông Phan Văn S và bà Lâm Thị Bích L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Thanh H số tiền vay còn thiếu gốc và lãi là 169.103.000 đồng.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà các bị đơn Phan Văn S, Lâm Thị Bích L và những người làm chứng Trần Văn T1, Nguyễn Thị N đều vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228, 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Thanh H là ông Ngô Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông S, bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền vay gốc và lãi, cụ thể như sau:

- Tiền vay gốc là 50.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 03-12-2019 âm lịch (nhằm ngày 28-12-2019) và tiền lãi tính từ ngày 28-12-2019 đến ngày 28-6-2024 là 54 tháng với lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 44.820.000 đồng, trừ đi số tiền lãi đã trả đến ngày 13-7-2020 là 14.000.000 đồng, còn lại 30.820.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

- Tiền vay gốc là 35.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 28-8-2020 âm

lịch (nhằm ngày 14-10-2020) và tiền lãi tính từ ngày 14-10-2020 đến ngày 14-7-2024 là 45 tháng với lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 26.145.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

- Tiền vay gốc là 20.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 13-10-2020 âm lịch (nhằm ngày 27-11-2020) và tiền lãi tính từ ngày 02-12-2020 đến ngày 02-7-2024 là 43 tháng với lãi suất 0.83%/tháng, thành tiền là 7.138.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

Nên nay ông H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông S, bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền vay còn thiếu gốc là 105.000.000 đồng và tiền lãi là 64.103.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 169.103.000 đồng.

Bà L trình bày không biết ông H, không ký vào biên nhận nào với ông H, bà L không có ý kiến gì, Tòa án giải quyết, xét xử theo quy định. Riêng ông S không có ý kiến.

Xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn có giao nộp cho Tòa án 03 biên nhận các ngày 03-12-2019 âm lịch, 28-8-2020 âm lịch, 13-10-2020 âm lịch. Các biên nhận này đã ghi rõ số tiền nợ, thỏa thuận lãi và thời gian trả nợ, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và lời khai của những người làm chứng.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông S, bà L và việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng ông S, bà L không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cũng không có gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu của H.

Tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh:

"*2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

*...*

*4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*".

Đồng thời tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

"*2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*".

Ông S không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án, bà L có lời khai với Tòa án nhưng không kèm theo tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho trình bày của bà L nên ông S, bà L phải chịu hậu quả cho việc không chứng minh sự phản đối yêu cầu của H. Từ đó chấp nhận yêu cầu của ông H về việc yêu cầu các bị đơn

trả số tiền nợ gốc như nêu trên là phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối yêu cầu tính lãi của ông H là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời cũng có lợi cho các bị đơn nên yêu cầu của ông H về việc buộc các bị đơn trả tiền lãi của số tiền gốc như nêu trên là có căn cứ để chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập được Công văn số: 481/UBND-HC ngày 21-11-2023 của Ủy ban nhân dân xã B về việc cung cấp thông tin kết hôn của ông Phan Văn S thể hiện ông Phan Văn S và bà Lâm Thị Bích L có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã B vào ngày 03-9-2009 theo Sổ đăng ký kết hôn số: 109/2009 (có kèm theo Trích lục kết hôn số: 1067/TLKH-BS ngày 13-5-2021), điều này thể hiện ông Phan Văn S và bà Lâm Thị Bích L là vợ chồng hợp pháp nên ông H yêu cầu ông S, bà L có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 27 và Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện H là có căn cứ để chấp nhận, buộc ông S và bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền vay còn thiếu gốc là 105.000.000 đồng và tiền lãi là 64.103.000 đồng, tổng cộng là 169.103.000 đồng.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Trong vụ án này các bị đơn Phan Văn S, Lâm Thị Bích L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trần Thanh H tổng số tiền là 169.103.000 đồng nên phải có nghĩa vụ chịu 5% x 169.103.000 đồng = 8.455.000 đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí.

Nguyên đơn Trần Thanh H không phải chịu án phí và được miễn tiền tạm ứng án phí theo quyết định số: 34/2023/QĐ-TA ngày 17-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng nên không xem xét xử lý tiền tạm ứng án phí.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 229, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 103, 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 27, 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thanh H.

Buộc ông Phan Văn S và bà Lâm Thị Bích L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Thanh H số tiền vay còn thiếu gốc là 105.000.000 đồng và tiền lãi là 64.103.000 đồng, tổng cộng là 169.103.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu một trăm lẻ ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn S, Lâm Thị Bích L phải có nghĩa vụ liên đới chịu 8.455.000 đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí.

Ông Trần Thanh H không phải chịu án phí và được miễn tiền tạm ứng án phí theo quyết định số: 34/2023/QĐ-TA ngày 17-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng nên không xem xét xử lý tiền tạm ứng án phí.

3. Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22-7-2024). Riêng các bị đơn Phan Văn S, Lâm Thị Bích L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Dưỡng**